

Bản án số: 49 /2020/HS-ST

Ngày 25 - 9 -2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đàm Thị T Mai

2. Ông Vũ Văn Hoàn.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Triệu Đức Hoàng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường Ủy ban nhân dân Thị trấn S, huyện Đ. Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2020/TLHS-ST, ngày 8 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 49/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 22/11/1989; Nơi cư trú và đăng ký HKTT: Tổ 6, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn T1 – sinh năm 1966; Con bà: Đặng Thị X – sinh năm 1967; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Lê Thị T2 – sinh năm 1983 (đã ly thân); Hiện đang sống chung với Phạm Thị T3 – sinh năm 2000, có 01 con chung sinh năm 2017.

- Tiền án: Tại bản án số 166/2018/HSPT ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Tại bản án số 69/2007/HSST ngày 23/4/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 80/2007/HSST ngày 22/6/2007 của Toà án nhân dân huyện Đ tỉnh Thái Nguyên xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/6/2020. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ. (Có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Lý Kim L, sinh năm 1999. (Có mặt)

Trú tại: Thôn B 1, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Phạm Thị T3, sinh năm 2000. (Có mặt)

Trú tại: Tổ 6, thị trấn Sông Cầu, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

* Người chứng kiến:

- Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1960. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1966. (Có mặt)

- Ông Lương Văn C, sinh năm 1954. (Có mặt)

Đều trú quán: Tổ 6, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 25 phút ngày 21/6/2020, tổ công tác Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại địa bàn tổ 6, thị trấn Sông Cầu, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thì phát hiện Nguyễn Văn T đang điều khiển xe mô tô có biểu hiện liên quan đến ma túy. Qua kiểm tra, T tự giác lấy từ trong túi quần phía trước bên phải T đang mặc 01 (một) gói nhỏ bằng túi nilon màu hồng, bên trong có chứa 25 (hai mươi lăm) viên nén màu hồng (T khai là ma túy tổng hợp dạng hồng phiến của T) giao nộp cho tổ công tác. Thu giữ tại túi quần phía trước bên trái T đang mặc 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE vỏ màu hồng đã cũ; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA - BLADE mang BKS: 22F1 – 31358. Tổ công tác tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng có liên quan.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã khám xét khẩn cấp nhà của Nguyễn Văn T ở tổ 6, thị trấn Sông Cầu, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Kết quả phát hiện, thu giữ: 01 túi nilon màu trắng bên trong có 01 (một) túi nilon màu hồng bên trong có 148 viên nén màu hồng và 02 viên nén màu sẫm tại ổ điện trên tường

trong phòng ngủ của T, hướng bên trái từ đường vào, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “KX”.

Tiến hành cân xác định khối lượng số viên nén màu hồng thu giữ của T khi bị bắt quả tang có khối lượng là 2,488g(lấy toàn bộ cho vào phong bì niêm phong, kí hiệu A1 để gửi đi giám định);148 (một trăm bốn mươi tám) viên nén màu hồng thu giữ qua khám xét tại nơi ở của T có khối lượng: 14,720 g (lấy toàn bộ cho vào phong bì niêm phong, kí hiệu A2 để gửi đi giám định) và 02 (hai) viên nén sẫm màu thu giữ qua khám xét tại nơi ở của T có khối lượng: 0,209 (lấy toàn bộ cho vào phong bì niêm phong, kí hiệu A3 để gửi đi giám định).

Quá trình điều tra đã làm rõ: Bản thân T là người nghiện ma túy nên thường xuyên sử dụng ma túy loại tổng hợp dạng hồng phiến từ đầu năm 2020. Khoảng đầu tháng 5 năm 2020, T có mua của một nam thanh niên (T không biết tên tuổi, địa chỉ) ở khu vực sau siêu thị VINCOM PLAZA thuộc phường Q, thành phố Thái Nguyên được 200 (hai trăm) viên ma túy tổng hợp dạng hồng phiến với giá 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), sau đó mang về cất giấu ở nhà để sử dụng cho bản thân. Khoảng 20 giờ ngày 21/6/2020, T đã lấy ma túy tổng hợp mục đích đi thuê phòng nghỉ để sử dụng ma túy nhưng chưa kịp tìm đến nhà nghỉ thì bị Tổ công tác Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng như nêu trên.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định: Việc T mua ma túy để sử dụng bản thân và cất giấu số ma túy trong buồng ngủ, ông Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1966), bà Đặng Thị X (sinh năm 1967), Phạm Thị T3 (sinh năm 2000) là bố, mẹ đẻ và người đang chung sống như vợ chồng của T (đang chung sống tại tổ 6, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) không biết. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA - BLADE mang BKS: 22F1 – 31358 của anh Lý Kim L (là người làm việc tại nhà T) mà T sử dụng vào việc phạm tội anh L không biết, không liên quan gì. Chiếc điện thoại di động thu giữ của T khi bị bắt quả tang là của chị T3, T không sử dụng vào việc phạm tội.

Vật chứng thu giữ: Gồm : 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu LK; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu số 3984/C09(TT2); 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu ĐT1 bên trong có 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng IPHONE vỏ màu hồng, đã cũ. Số IMIE: 353255079840800; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA - BLADE mang BKS: 20F1 – 31358, số khung: RLHJA3644KY016753.

Hiện toàn bộ số vật chứng trên được nhập kho vật chứng Công an huyện Đ chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 50/CT-VKSDH ngày 7/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo thể hiện qua bản cáo trạng và đề nghị mức hình phạt như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo T mức án từ 07 năm đến 08 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, là đối tượng nghiện, không có tài sản nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 249 BLHS đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu LK và 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu số 3984/C09(TT2).

Hoàn trả Chị Phạm Thị T3 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu ĐT1 bên trong có 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng IPHONE vỏ màu hồng đã cũ. Số IMIE: 353255079840800; Anh Lý Kim L 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA - BLADE màu sơn đỏ đen mang biển kiểm soát: 20F1 – 31358, số khung: RLHJA3644KY016753.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trong lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và bị truy tố, xét xử là không oan, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ; bị cáo không

có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo là đúng, không oan. Lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 20 giờ 25 phút ngày 21 tháng 6 năm 2020, tại khu vực tổ 6, thị trấn Sông Cầu, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo Nguyễn Văn T đang có hành vi tàng trữ 2,488 gam Methamphetamine để sử dụng cho bản thân thì bị cơ quan Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng có liên quan. Cùng ngày khám xét nơi ở của T đã thu giữ 01 túi nilon màu trắng bên trong có 01 (một) túi nilon màu hồng bên trong có 148 viên nén màu hồng và 02 viên nén màu sẫm tại ổ điện trên tường trong phòng ngủ của T. Bị cáo thừa nhận số Methamphetamine là của bị cáo.

Tại bản Kết luận giám định số 3984/C09-TT2 ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Viện khoa học Hình sự, Bộ Công an, xác định: Phong bì ký hiệu A1 bên trong có 01 túi nilon bên trong chứa các viên nén màu hồng, tổng khối lượng mẫu: 2,488 gam. Phong bì ký hiệu A2 bên trong có 01 túi nilon bên trong chứa các viên nén màu hồng, tổng khối lượng mẫu 14,720 gam. Phong bì ký hiệu A3 bên trong có 01 túi nilon bên trong chứa các viên nén sẫm màu, tổng khối lượng mẫu: 0,209gam. Các viên nén màu hồng (mẫu ký hiệu A1, A2) thu giữ của bị cáo gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Các viên nén sẫm màu (mẫu ký hiệu A3) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội: “Tàng Trữ trái phép chất ma túy ” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

g) Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam; ... ”

Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra theo điều luật nói trên.

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của nhà nước về quản lý, sử dụng các chất ma túy, hành vi đó của bị cáo gây ảnh hưởng xấu, gây mất trật tự trị an xã hội ở địa phương, là nguyên nhân phát sinh của những loại tội phạm khác. Do vậy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định thì mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có một tiền án, tiền sự không có, nhưng bị cáo có nhân thân xấu đã được đi cải tạo về tội “Cố ý gây thương tích” giáo dục về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không coi đó là bài học khi tái hòa nhập cộng đồng lại tiếp tục phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo là đối tượng nghiện tàng trữ ma túy chỉ để sử dụng cho bản thân, không có thu nhập ổn định và tài sản nên miễn hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 249 BLHS đối với bị cáo.

[6] Vật chứng của vụ án: Áp dụng 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm 02 bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu LK; 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu số 3984/C09(TT2) của Viện khoa học hình sự Bộ công an.

Đối với Chiếc điện thoại di động thu giữ của T khi bị bắt quả tang là của chị Tình, T không sử dụng vào việc phạm tội. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA - BLADE mang BKS: 22F1 – 31358 của anh Lý Kim L (là người làm việc tại nhà T) mà T sử dụng vào việc phạm tội anh L không biết, không liên quan gì. Nên hoàn trả Chị Phạm Thị Tình 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu ĐT1 bên trong có 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng IPHONE vỏ màu hồng đã cũ. Số IMIE: 353255079840800; Anh Lý Kim L 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA - BLADE màu sơn đỏ đen mang biển kiểm soát: 20F1 – 31358, số khung: RLHJA3644KY016753, xe không có số máy do bị tai nạn đã thay phần thân máy bên trái, phần thân xe có nhiều vết xước sơn, không có giấy tờ xe kèm theo.

[7] Trong vụ án này, còn có ông Nguyễn Văn T1, bà Đặng Thị X và Phạm Thị Tình là những người sống chung nhà với bị cáo T, không biết bị cáo cất giấu ma túy trong nhà nên hành vi của ông T1, bà X và T3 không cấu thành tội phạm.

Về nguồn gốc số ma túy là do T khai mua của 01 người T niên không biết tên, địa chỉ tại khu vực phía sau trung tâm thương mại VINCOM PALAZA, thuộc tổ 11, phường Q, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không có cơ sở điều tra làm rõ để xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa ngày hôm nay là có căn cứ nên được chấp nhận.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 21/06/2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 249 BLHS đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu LK; 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu số 3984/C09(TT2) của Viện khoa học hình sự Bộ công an.

Hoàn trả Chị Phạm Thị T3 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu ĐT1 bên trong có 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng IPHONE vỏ màu hồng đã cũ. Số IMIE: 353255079840800; Anh Lý Kim L 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA - BLADE màu sơn đỏ đen mang biển kiểm soát: 20F1 – 31358, số khung:

RLHJA3644KY016753, xe không có số máy do bị tai nạn đã thay phần thân máy bên trái, phần thân xe có nhiều vết xước sơn, không có giấy tờ xe kèm theo.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao vật chứng ngày 9/9/2020 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh và huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND thị trấn S, huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Tuấn